

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và bà Mai Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 17/6/2024 và Thông báo dời lịch xét xử ngày 16/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn 3 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 29/01/2024, bản tự khai ngày 05/3/2024 nguyên đơn anh Phạm Văn H đều trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L trước đây yêu nhau và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống, cách suy nghĩ khác nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mất mát tình cảm. Hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 01 con chung Phạm Đức H, sinh ngày 05/12/2014. Hiện con đang ở với chị L, ly hôn anh H có quan điểm giao con cho chị L tiếp

tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án thông báo hòa giải nhiều lần nhưng chị L chỉ đến một lần nhưng không viết bản tự khai, không ký vào biên bản hòa giải, mặc dù đã được Tòa án phổ biến quyền lợi nghĩa vụ của đương sự và hướng dẫn cụ thể. Phiên tòa lần thứ hai chị L vắng mặt không có lý do, khi đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa hai lần, thông báo dời lịch xét xử.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H xin ly hôn chị Nguyễn Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L đã kiểm tra thấy bị đơn chị Nguyễn Thị L có nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi ở hiện nay: Thôn 3 T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các thông báo, quyết định xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hai lần hợp lệ nhưng chị L không đến tòa mà không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Ngày 04/5/2024, Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn anh Phạm Văn H, có nội dung giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con như đã trình bày tại bản tự khai nói trên. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, cho thấy, anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị L yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 23/6/2014 là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn anh H trong quá trình giải quyết vụ án, thì vợ chồng anh H, chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, mất mát, không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian, hòa giải nhiều lần để vợ chồng có thể thông cảm, bỏ qua những đổ kỵ, mặc cảm cho nhau, cải thiện lại quan hệ hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi con nhưng chị L không có thiện chí, không hợp tác với Tòa án mà còn có những biểu hiện không trình bày quan điểm, yêu

cầu của mình vào bản tự khai, không ký vào biên bản hòa giải không thành khi Tòa án đã ghi đầy đủ ý kiến của chị: Về tình cảm chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H, chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi nhưng nhận cấp dưỡng một lần. Tuy nhiên chị trình bày như vậy nhưng không ký vào biên bản. Tại phiên tòa lần thứ 2 chị L vẫn vắng mặt, mặc dù Tòa án đã thực hiện biện pháp tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho chị L nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ chị L cố tình không chấp hành thông báo, triệu tập của Tòa án, từ bỏ quyền lợi nghĩa vụ của mình, không có thiện chí hòa giải để bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình cảm với anh H nữa.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh H, chị L được ly hôn nhau là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh H trình bày vợ, chồng có một con chung: Phạm Đức H, sinh ngày 05/12/2014, hiện con đang ở cùng chị L, ly hôn anh H có quan điểm yêu cầu Tòa án giao con cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì lâu nay con đã ở với chị L ổn định. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quan điểm của chị L không được chị ký xác nhận nên không có cơ sở pháp lý và nội dung không phù hợp với Luật Hôn nhân gia đình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con, cần giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là phù hợp với Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn H.

1. Xử cho anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị L được ly hôn nhau;

2. Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Đức H, sinh ngày 05/12/2014, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng: 600.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0004291 ngày 30/01/2024. Số tiền còn lại, anh H phải nộp tiếp.

Nguyên đơn anh Phạm Văn H và bị đơn chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- UBND xã G, h Quảng Ninh
(để ghi chú vào sổ);
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn